BÁO CÁO BÁN NIÊN 2024
CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024)

STT	Nội dung	Tại ngày	
		31/12/2023	30/06/2024
	TÀI SẢN		
I	**Tài sản ngắn hạn**	**769,316,387,996**	**774,075,180,058**
1	Tiền	56,766,141,789	72,047,040,433
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	471,000,000,000	447,500,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	69,660,155,841	78,247,524,575
4	Tài sản ngắn hạn khác	11,578,096,821	12,726,466,475
5	Tài sản tái bảo hiểm	160,311,993,545	163,554,148,575
II	**Tài sản dài hạn**	**322,144,690,481**	**314,307,175,774**
1	Các khoản phải thu dài hạn	21,710,358,992	11,085,545,838
2	Tài sản cố định	1,495,360,717	1,130,827,158
	- Nguyên giá	15,724,294,950	15,945,914,949
	- Khấu hao luỹ kế	(14,228,934,233)	(14,815,087,792)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	295,500,000,000	299,000,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	3,438,970,772	3,090,802,778
III	**Tổng tài sản**	**1,091,461,078,477**	**1,088,382,355,832**
	NGUỒN VỐN		
IV	**Nợ phải trả**	**398,825,795,678**	**362,326,982,069**
1	Nợ ngắn hạn	155,319,093,705	113,029,296,191
2	Nợ dài hạn	7,045,166,941	9,393,846,625
3	Dự phòng nghiệp vụ	236,461,535,032	239,903,839,253
V	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**692,635,282,799**	**726,055,373,758**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	1,126,099,400,000	1,126,099,400,000
2	Quỹ dự trữ bắt buộc	14,212,776,408	14,212,776,408
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(447,676,893,609)	(414,256,802,651)
VI	**Tổng nguồn vốn**	**1,091,461,078,477**	**1,088,382,355,826**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TÓM TẮT

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 06 năm	
		2023	2024
1	**Tổng doanh thu**	**121,960,814,736**	**116,673,601,247**
	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	99,410,023,569	92,900,923,727
	Doanh thu về hoạt động tài chính	22,389,053,867	23,702,124,330
	Thu nhập khác	161,737,300	70,553,190
2	**Tổng chi phí**	**90,288,501,410**	**74,355,245,944**
	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	58,637,194,285	41,298,275,406
	Chi phí hoạt động tài chính	91,088,809	1,496,752,222
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,560,218,316	31,560,218,316
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**31,672,313,326**	**42,318,355,303**
4	**Thuế thu nhập doanh nghiệp**	**7,836,224,192**	**8,898,261,019**
5	**Lợi nhuận sau thuế**	**23,836,089,134**	**33,420,094,284**

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày	
			31/12/2023	30/06/2024
1	**Cơ cấu tài sản**			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	70.49%	71.12%
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	29.51%	28.88%
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	36.54%	33.29%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	63.46%	66.71%
3	**Khả năng thanh toán**			
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.96	2.19
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.35	1.47
4	**Tỷ suất lợi nhuận**			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	5.66%	3.89%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	20.46%	28.64%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	7.10%	4.60%